

Số: /NQ-HĐND

Sa Thầy, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Về Kế hoạch cải tạo vườn tạp trên địa bàn
huyện Sa Thầy giai đoạn 2021 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN SA THẦY
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ BA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Trồng trọt năm 2018;

*Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 30 tháng 7 năm 2020 Đảng bộ
huyện Sa Thầy lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Đề án số 07-ĐA/HU ngày
25 tháng 10 năm 2021 của Huyện ủy Sa Thầy về Đề án cải tạo vườn tạp trên địa
bàn huyện Sa Thầy giai đoạn 2021 - 2025.*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban
nhân dân huyện về việc dự thảo Nghị quyết Kế hoạch triển khai Đề án cải tạo
vườn tạp trên địa bàn huyện Sa Thầy giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo thẩm tra
của Ban Kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của đại
biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch cải tạo vườn tạp trên địa bàn huyện Sa Thầy
giai đoạn 2021 - 2025, với các nội dung chính sau:

1. Mục tiêu

a. Mục tiêu chung

Tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp, tạo ra sản phẩm hàng hóa có giá trị kinh tế
cao, gắn với liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; nâng cao hiệu quả sử
dụng đất, tạo thêm công ăn việc làm, tăng thu nhập, ổn định cuộc sống cho nhân
dân, gắn với cuộc vận động “*Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân
tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền
vững*”; cải thiện diện mạo nông thôn và góp phần thực hiện thắng lợi Chương trình
mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

b. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Đến năm 2025 cải tạo cơ bản khoảng 300 ha vườn tạp. Hình thành vườn cây ăn quả có hiệu quả kinh tế cao, bằng cách quy hoạch lại diện tích vườn tạp của hộ gia đình thành vùng sản xuất chuyên canh theo quy hoạch của huyện, với phương châm Nhà nước và Nhân dân cùng làm. Góp phần nâng cao mức thu nhập bình quân đầu người từ 43,89 triệu đồng/năm lên 60 triệu đồng/năm vào năm 2025.

- Tổ chức tập huấn cho khoảng 1.200 hộ dân về kỹ thuật cải tạo vườn tạp và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

- Hình thành ít nhất 01 chuỗi liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm trái cây trên địa bàn huyện.

2. Phương pháp cải tạo

- Về giống: Tổ chức rà soát, đánh giá cụ thể vườn của từng hộ gia đình, giữ lại các cây trồng hiện tại đang mang lại nguồn thu nhập, hiệu quả kinh tế cho nông hộ. Đồng thời trồng thay thế các giống cây ăn quả năng suất, chất lượng thấp bằng các giống chất lượng tốt, năng suất cao, ít sâu bệnh, thời gian thu hoạch nhanh, các giống như: Sầu riêng ghép, bơ ghép, xoài ghép, mít ghép, bưởi da xanh...

- Về đất vườn và hệ thống tưới tiêu

+ Quy hoạch lại vườn, bố trí các loại cây trồng trong vườn hợp lý, khoa học, phù hợp với diện tích đất vườn của từng hộ và điều kiện sinh thái của từng địa phương.

+ Thường xuyên bồi bổ, cải tạo đất. Tăng cường bổ sung các chất dinh dưỡng cho đất, nhất là phân hữu cơ, các phân bón có nguồn gốc hữu cơ, đất phù sa, đất ao cho vườn; bổ sung thêm các nguyên tố trung, vi lượng để tạo điều kiện cho hệ vi sinh vật hoạt động, cải tạo đất.

+ Khai thông mương rạch để đảm bảo mùa mưa vườn không bị ngập úng. Chuẩn bị hệ thống mương máng, ao tích nước để tưới cho cây trồng trong mùa khô.

- Về kỹ thuật canh tác: Hướng dẫn áp dụng các tiến bộ kỹ thuật thâm canh phù hợp với từng giống cây trồng, điều kiện khí hậu, đất đai, tập quán canh tác,... từ khâu làm đất, đào hố, mật độ trồng đến việc bón phân, tưới nước, tỉa cành tạo tán, bảo vệ thực vật, trồng xen, trồng gối, thu hoạch và bảo quản.

3. Phạm vi, thời gian, quy mô, đối tượng và nội dung hỗ trợ

a. Phạm vi triển khai: Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

b. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

c. Quy mô thực hiện: Từ nay đến năm 2025 hỗ trợ đầu tư, hướng dẫn kỹ thuật cải tạo lại khoảng 300 ha đất vườn cho khoảng 1.200 hộ gia đình.

d. Đối tượng tham gia

Các hộ gia đình có hộ khẩu thường trú trên địa bàn huyện, ưu tiên hộ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình chính sách... đã được cấp chính quyền địa

phương rà soát, kiểm tra có diện tích vườn tối thiểu từ 200 m²/hộ trở lên và tự nguyện đăng ký tham gia Đề án.

e. Nội dung hỗ trợ

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí mua các loại giống cây ăn quả có giá trị kinh tế cao; chi phí triển khai tập huấn hướng dẫn kỹ thuật, xúc tiến thương mại khi có sản phẩm, một số chi phí khác (*nếu có*) theo quy định hiện hành của nhà nước,...

- Nhân dân tham gia đối ứng, nhân công lao động, các vật tư thiết yếu khác trong suốt thời kỳ kiến thiết cơ bản và được hưởng toàn bộ giá trị sản phẩm khi thu hoạch.

4. Nhiệm vụ

- Bố trí lại cấu trúc không gian vườn, loại bỏ cây tạp hiệu quả thấp, bố trí lại các loại cây trồng trong vườn cho hợp lý (*theo sơ đồ thiết kế phù hợp với diện tích vườn của từng hộ*).

- Hình thành các vùng, liên vùng sản xuất hàng hóa với hình thức cải tạo phù hợp gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các quy hoạch, định hướng từng vùng, điều kiện đặc thù và tiềm năng lợi thế của từng vùng.

- Xây dựng các điểm trình diễn, trao đổi kỹ thuật và kinh nghiệm. Phấn đấu mỗi thôn có 1- 2 mô hình cải tạo vườn tạp đem lại hiệu quả kinh tế cao và bền vững.

- Huy động nguồn lực xây dựng các mô hình, tạo sản phẩm thương xuyên, đảm bảo chất lượng, có uy tín và bền vững. Triển khai thực hiện chính sách, nâng cao hiệu quả sử dụng đất vườn đến năm 2025.

- Tăng cường áp dụng các biện pháp thâm canh bền vững. Thực hiện quy định về môi trường trong sử dụng phân bón, hóa chất và xử lý chất thải trong nông nghiệp; áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước và các hình thức canh tác tiết kiệm nước.

- Tập trung hỗ trợ kết nối thị trường tiêu thụ, giới thiệu quảng bá sản phẩm, tạo điều kiện liên kết với doanh nghiệp; ký kết hợp đồng sản xuất, tiêu thụ nông sản với nông dân; phát triển các nhóm nông dân hợp tác tự nguyện, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị.

- Hỗ trợ tập huấn, khuyến nông và các dịch vụ tư vấn nhằm nâng cao kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch, kiến thức, kỹ năng quản lý kinh tế theo định hướng thị trường cho người dân.

- Đẩy mạnh quản lý giống, vật tư, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, việc sử dụng hóa chất trong sản xuất.

5. Giải pháp thực hiện

a. Tuyên truyền, vận động

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, vận động Nhân dân nhằm

thay đổi nhận thức, tư duy sản xuất của người dân đối với vườn nhà theo kiểu “*mùa nào thức ấy*”, tập trung trồng một loại cây có giá trị nâng cao thu nhập trên một đơn vị diện tích; góp phần tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, đồng bộ trên phạm vi toàn huyện.

- Triển khai đồng bộ, có hiệu quả trong việc thực hiện Cuộc vận động “*Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững*” làm chuồng trại nuôi nhốt gia súc, không thả rông, phải có người chăn dắt.

- Thông tin, tuyên truyền, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cho nông dân trên các phương tiện thông tin đại chúng.

b. Phát triển vườn tạp gắn với các quy hoạch của ngành và nông thôn mới

- Tiến hành rà soát, khoanh vùng, phân loại hiện trạng cây trồng; phân tích thành phần lý, hóa của đất, phân loại đất thích hợp; đánh giá điều kiện khí hậu, nguồn nước tự nhiên, hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp. Trên cơ sở kết quả phân tích đánh giá, phân loại đất, đề xuất đưa vào quy hoạch đất trồng cây ăn quả những diện tích đất có đủ điều kiện về tự nhiên, xã hội và bảo đảm theo quy định của pháp luật.

- Từng bước tạo vùng, liên vùng sản xuất hàng hóa tập trung trên cơ sở khai thác tiềm năng, lợi thế, điều kiện tự nhiên, phù hợp với quy hoạch chuyên ngành quy hoạch sử dụng đất, xây dựng nông thôn mới.

- Khuyến khích nhân dân chuyển đổi những diện tích cây trồng có hiệu quả kinh tế thấp sang trồng cây ăn quả tập trung theo hướng chuyên canh, liên kết chuỗi giá trị.

c. Đẩy mạnh áp dụng khoa học công nghệ và tiến bộ kỹ thuật mới

- Tăng cường chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cho nhân dân trong quá trình cải tạo vườn tạp, đưa giống cây có năng suất cao, chất lượng tốt, phù hợp với điều kiện tự, đất đai để sản xuất.

- Thực hiện tốt công tác bảo vệ thực vật trong quá trình sản xuất, nhất là công tác dự tính, dự báo tình hình sâu bệnh, dịch bệnh để có biện pháp phòng trừ hiệu quả; áp dụng biện pháp sản xuất theo chương trình IPM, ICM, VietGAP...

- Khuyến khích các hình thức liên kết và hợp tác trong việc ứng dụng khoa học, công nghệ nông nghiệp, xây dựng mô hình sản xuất có hiệu quả kinh tế cao và bền vững; giới thiệu các loại giống cây trồng phù hợp với điều kiện đất đai thổ nhưỡng và chuyển giao khoa học công nghệ cho nhân dân trong vùng.

- Từng bước nâng cao trình độ quản lý, sản xuất kinh doanh và khoa học kỹ thuật của hộ gia đình, cá nhân thông qua các lớp tập huấn, tham quan mô hình, qua các kênh thông tin đại chúng, báo chí...

- Xây dựng từ 2 - 3 mô hình với quy mô liên vùng khoảng 05 ha tại một số thôn, xã làm điểm để nhân rộng ra toàn vùng.

d. Về thực hiện cơ chế, chính sách

- Lồng ghép các chương trình, dự án như: Chương trình giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình Khuyến nông, Chương trình xây dựng nông thôn mới và các chương trình dự án khác trên địa bàn...

- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc vay vốn về phát triển nông nghiệp theo chu kỳ sản xuất từng loại cây trồng; tăng cường nguồn vốn và mức vay tín chấp trung và dài hạn thông qua các tổ chức chính trị xã hội để cải tạo vườn tạp.

- Hỗ trợ cấp giấy chứng nhận, công nhận áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt hoặc áp dụng các tiêu chuẩn tương tự trong sản xuất nông nghiệp cho vùng trồng cây ăn quả trên địa bàn huyện.

- Hỗ trợ tư vấn phát triển sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP, xúc tiến thương mại và giới thiệu sản phẩm; xây dựng chỉ dẫn địa lý, thương hiệu.

e. Vốn đầu tư

Ngân sách huyện cân đối hàng năm và lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án trong giai đoạn 2021 - 2025 để thực hiện kế hoạch, gồm:

- Nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế, ngân sách địa phương cấp cho hoạt động khuyến nông hàng năm, để thực hiện các nội dung về đào tạo, tập huấn, tuyên truyền, xây dựng một số mô hình để cải tạo vườn tạp 0,5 - 01 tỷ đồng.

- Lồng ghép nguồn kinh phí Chương trình Mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (*Ngân sách nhà nước hỗ trợ 450 triệu đồng/xã khu vực III/năm, 75 triệu đồng/thôn đặc biệt khó khăn/năm*).

- Nguồn vốn: Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới: mỗi năm khoảng 01 tỷ đồng hỗ trợ dự án liên kết chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm, hỗ trợ giấy chứng nhận công nhận quy trình sản xuất VietGAP, GlobalGAP, mã vùng trồng cho những diện tích liên vùng.

- Nguồn Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP): Hỗ trợ tư vấn phát triển sản phẩm, tem truy xuất nguồn gốc, bao bì nhãn mác, xúc tiến thương mại...

- Nguồn vốn của nhân dân, nguồn vốn hợp pháp huy động từ các tổ chức, cá nhân và nguồn vay của hộ gia đình từ ngân hàng Chính sách xã hội: Không quá 900 triệu đồng/xã khu vực III/năm; không quá 150 triệu đồng/thôn đặc biệt khó khăn/năm.

f. Về thị trường tiêu thụ

- Tăng cường hợp tác, liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản; phát triển, mở rộng các loại dịch vụ của các Hợp tác xã nông nghiệp nhằm nâng cao chuỗi giá trị của sản phẩm nông nghiệp.

- Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, tổ chức quảng bá sản phẩm, xây dựng thương hiệu gắn với thực hiện hiệu quả Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) giai đoạn 2021 - 2025. Kết nối quảng bá đến các siêu thị, nhà máy chế biến trong tỉnh, thị trường lân cận.

6. Kinh phí thực hiện

- Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện Kế hoạch trong giai đoạn 2021 - 2025 khoảng: 35.443.300.000 đồng. Trong đó:

+ Ngân sách Nhà nước: 10.015.400.000 đồng.

+ Nhân dân tham gia (*Công lao động quy đổi thành tiền, vốn tự có, vốn vay*): 25.427.900.000 đồng.

- Phân kỳ nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ hàng năm:

STT	Năm	Diện tích thực hiện (ha)	Phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (Đồng)
1	Năm 2022	80	2.731.550.000
2	Năm 2023	80	2.702.300.000
3	Năm 2024	70	2.305.400.000
4	Năm 2025	70	2.276.150.000
Tổng cộng		300	10.015.400.000

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Sa Thầy Khoá XI kỳ họp thứ ba thông qua ngày tháng năm 2021./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT HĐND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các ban, ngành, đoàn thể của huyện;
- HĐND-UBND các xã, thị trấn;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, HTTD.

CHỦ TỊCH